

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 5- 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Kiều T, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp CN, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Hoàng V, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp CN, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Huỳnh Kiều T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Kiều T và anh Dương Hoàng V kết hôn vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh V sống bên gia đình anh V khoảng một năm thì anh chị về bên gia đình chị T sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh V thường đi sớm về muộn, không quan tâm cho gia đình, hay ghen và có tính gia trưởng. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh V.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Dương Như Q, sinh năm 2000 và Dương Mạnh Q, sinh ngày 20/6/2003. Khi ly hôn đối với Như Q đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Mạnh Q hiện nay đang do chị T và anh V nuôi dưỡng. Khi ly hôn ý kiến của con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Dương Hoàng V trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh V xác định tính gia trưởng cũng có nhưng anh ghen cũng có nguyên nhân là do chị T thường đi chơi chung với bạn bè trong đó cũng có bạn bè là nam. Về nguyên nhân chị T khai anh không quan tâm gia đình là không đúng. Nay chị T xin ly hôn đồng ý.

- Về con chung: Có hai người con chung Dương Như Q, sinh năm 2000 và Dương Mạnh Q, sinh ngày 20/6/2003 hiện nay do anh V và chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn Như Q đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Mạnh Q ý kiến của con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Anh V và chị T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

Do điều kiện bận công việc nên chị T và anh V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh V có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị T có yêu cầu ly hôn, anh V đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Dương Như Q hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với Dương Mạnh Q xét thấy tại “*Văn bản ghi ý kiến*” ngày 09/5/2019 cháu Mạnh Q có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Huỳnh Kiều T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao

cháu Mạnh Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh V và chị T tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị T và anh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Kiều T và anh Dương Hoàng V là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Dương Mạnh Q (nam), sinh ngày 20/6/2003 cho chị Huỳnh Kiều T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Dương Hoàng V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Kiều T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0009264 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Huỳnh Kiều T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

